

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Văn	Nam	3575030640	20/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Phan Đình	Hiếu	3771020869	19/02/1995	4,50	4,20	4,30	
3	Nguyễn Tấn	Chí	3771020888	25/08/1995	3,00	3,70	3,50	
4	Nguyễn Trung	Thượng	3771020890	04/02/1994	7,50	3,00	4,40	
5	Phan Tuấn	Triều	3771020896	24/08/1995	4,60	3,70	4,00	
6	Đàm Duy	Thành	3771020899	30/05/1994	,00	,00	,00	CT
7	Trần Tấn	Phát	3771020935	19/06/1995	3,60	5,20	4,70	
8	Trần Ngọc	Thịnh	3771020938	14/04/1995	4,40	3,60	3,80	
9	Diệp Phi	Phước	3771020960	12/04/1994	,00	,00	,00	CT
10	Trương Văn	Minh	3771020966	26/05/1993	5,90	6,00	6,00	
11	Trương Quốc	Thuận	3771020970	28/11/1995	4,80	4,70	4,70	
12	Nguyễn Chí	Trương	3771020975	20/09/1994	6,00	5,90	5,90	
13	Nguyễn Đức	Đạt	3771020977	11/07/1995	8,80	5,30	6,40	
14	Trần Bình	Thuận	3771020981	10/02/1995	6,90	3,60	4,60	
15	Nguyễn Hồng	Cương	3771020988	03/10/1994	4,20	,00	1,30	CT
16	Nguyễn Biện Thiên	Phú	3771020996	14/02/1995	,00	,00	,00	CT
17	Trần Đỗ Tuấn	Huy	3771020997	21/12/1995	4,20	5,90	5,40	
18	Võ Trí	Trung	3771021004	14/02/1994	5,80	1,50	2,80	
19	Phùng Văn	Ngọc	3771021030	25/06/1995	6,00	5,90	5,90	
20	Trần Thanh	Sen	3771021035	20/05/1995	6,90	5,80	6,10	
21	Võ Thanh	Huy	3771021057	23/09/1992	,00	,00	,00	CT
22	Phan Trọng	Sơn	3771021096	15/09/1995	3,70	3,20	3,40	
23	Nguyễn Văn	Đức	3771021163	03/08/1994	,00	,00	,00	CT
24	Võ Lê	Anh	3771021204	28/02/1995	6,80	5,50	5,90	
25	Phan Thành	Công	3771021225	13/08/1995	,00	,00	,00	CT
26	Phạm Văn	Nổi	3771021235	30/04/1995	7,30	4,40	5,30	
27	Hà Thế	Phương	3771021277	17/08/1995	5,10	2,60	3,40	
28	Nguyễn Ngọc	Ty	3771021333	18/06/1992	6,90	3,60	4,60	
29	Phạm Quý	Nghĩa	3771021421	28/03/1993	5,30	5,00	5,10	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)